

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17/2024/DS-PT**

Ngày: 12/01/2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Trang Thư**

Bà **Trần Thị Thanh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Hồng Nhi** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 156/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 438/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Phước H**; sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 1 đường P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Phương H1**; sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 2 khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:** Ông **Trần Văn T**; sinh năm: 1969. (có mặt)

Địa chỉ: Số F đường Số F, Khu dân cư H, Khu vực 5, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Đinh Thị Sim T1**; sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 1 đường P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Phương H1**; sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 2 khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Bùi Thị T2**; sinh năm: 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Số F đường Số F, Khu dân cư H, Khu vực 5, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2022 của nguyên đơn là ông **Nguyễn Phước H** và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn cho rằng: Quyền sử dụng đất diện tích 2.063,8m², loại đất cây lâu năm, thửa 2829, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khu vực **K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ** thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10590 do ông **Nguyễn Phước H** đứng tên ngày 12/11/2018, có nguồn gốc là do ông **Nguyễn Phước H** nhận chuyển nhượng thông qua cơ quan thi hành án từ năm 2014, có trụ ranh đá từ trước và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp. Thửa đất này có ranh giáp với đất của ông **Trần Văn T**. Cạnh ngang cuối thửa đất của nguyên đơn là 19,5m; tuy nhiên, năm 2020, ông **T** kéo hàng rào lưới B40, cố tình làm sai lệch trụ ranh, lấn qua phần đất của ông **H** diện tích khoảng 22m² (ngang 0,25m x dài 90m). Ngoài ra, ông **T** còn rào lưới B40 lấn chiếm một phần đất của ông **H** diện tích 10,65m² (ngang 1m x dài 10,65m) tại vị trí cuối thửa đất của ông **H**. Nay, nguyên đơn yêu cầu ông **Trần Văn T** tháo dỡ hàng rào lưới B40, trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất bị đơn đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế tại vị trí A diện tích là 14m² và tại vị trí B phần vị trí cuối thửa, diện tích 10,7m² (chiều ngang 1m x dài 10,68m).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Phần đất tranh chấp tại vị trí B diện tích 10,7m², ngang 1m này là do ông **H** đã mua của ông **Tiết Văn B** vào năm 2014, giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản, đã trả tiền cho cá nhân ông **Tiết Văn B**. Đến năm 2015, ông **Tiết Văn B** chết và diện tích nhận chuyển nhượng này nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Nguyễn Phước H** đã được cấp giấy. Tuy nhiên, nó vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ hàng rào, trả lại cho

nguyên đơn phần đất bị đơn đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế tại vị trí A diện tích 14m² và vị trí B diện tích 10,7m².

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn là ông **Trần Văn T** cho rằng: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do ông nhận chuyển nhượng lại từ ông **Nguyễn Xuân B1** và **Nguyễn Thị T3** vào năm 2016 và năm 2017, có 03 thửa liền kề nhau, gồm: Thửa 1611, diện tích: 2.114m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07765 ngày 13/02/2017. Thửa đất này, ông nhận chuyển nhượng của ông **Nguyễn Xuân B1** vào năm 2017, giáp ranh với phần đất của ông **Nguyễn Phước H** đứng tên. Thửa 1614, diện tích: 989,2m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02292 ngày 20/8/2007, chỉnh lý cho ông **Trần Văn T** đứng tên ngày 18/01/2017. Phần đất này ông nhận chuyển nhượng của ông **Trần Xuân B2**, giáp ranh với phần đất ông **H** đứng tên. Thửa 1822, diện tích: 2.114,5m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03312 ngày 28/8/2008, nhận chuyển nhượng của bà **Nguyễn Thị T3**, chỉnh lý sang tên cho ông **Trần Văn T** đứng tên ngày 02/02/2016. Phần đất trước đây có cắm trụ ranh đá, sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Đến tháng 02/2021, ông xây dựng hàng rào lưới B40 thì phía nguyên đơn cho rằng ông lấn ranh nên phát sinh tranh chấp. Ông chỉ sử dụng đúng diện tích ông nhận chuyển nhượng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, có trụ ranh ổn định, không có thay đổi trụ ranh, không có lấn sang đất của nguyên đơn. Nếu Toà án đo đạc, xác định phần đất ông sử dụng nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông được cấp thì ông đồng ý trả lại cho nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Bùi Thị T2** cho rằng:* Bà là vợ của ông **Trần Văn T**. Bà có cùng ý kiến với chồng bà

- *Đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà **Đinh Thị Sim T1** cho rằng:* Bà **Đinh Thị Sim T1** là vợ của ông **Nguyễn Phước H**. Bà **T1** có cùng ý kiến và yêu cầu với ông **H**.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 156/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông **Nguyễn Phước H**; về việc: yêu cầu ông **Trần Văn T** tháo dỡ hàng rào lưới B40 đã xây dựng để trả lại cho ông **Nguyễn Phước H** quyền sử dụng đất tại vị trí A,

diện tích 14m², thuộc thửa 2829, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10590 ngày 12/11/2018 do ông Nguyễn Phước H đứng tên và vị trí B diện tích 10,7m² (Phần đất nguyên đơn cho rằng nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Phước H).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn quyền sử dụng đất tại vị trí A, diện tích 14m², và vị trí B diện tích 10,7m² (Phần đất nguyên đơn cho rằng nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Phước H).

Bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà T2 yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: nhận thấy: Phần đất của nguyên đơn có nguồn gốc chuyển nhượng thông qua Cơ quan thi hành án từ năm 2014 và nguyên đơn được công nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2018 đối với thửa 2829, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, diện tích được cấp theo GCNQSDĐ là 2.063,8m² (CLN). Ngoài phần diện tích nguyên đơn chuyển nhượng thông qua Cơ quan thanh hành án năm 2014, thì ngày 04/10/2018 nguyên đơn đã chuyển nhượng diện tích 68,8m² tại thửa 2824 (tách thửa 627) tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, có lập hợp đồng chuyển nhượng (BL 173 – 175) giữa nguyên đơn với bên bán là bà Bùi Thị T2, ông Trần Văn T, ông Bùi Thanh P. Phần diện tích chuyển nhượng trên đã được lập thủ tục xin hợp thửa (tại các

BL 176 – 181), thể hiện phần diện tích thêm chiều ngang là 1m. Tuy nhiên, phần diện tích đối với thửa 1372 (nay là thửa 2829) được cấp giấy năm 2014 có diện tích là 1.995m², đến năm 2018 nguyên đơn chuyển nhượng thêm phần diện tích 68,8m², sau khi hợp thửa thì phần diện tích nguyên đơn được công nhận trên giấy chứng nhận QSDĐ là 2.063,8m². Tuy nhiên, theo Bản trích đo địa chính số 955 ngày 31/8/2023 của Trung tâm K thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C thì phần diện tích thực tế nguyên đơn đang sử dụng là 2.157,5 (chưa gồm các vị trí tranh chấp tại vị trí A, B) dư so với phần diện tích nguyên đơn được cấp trên giấy. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tranh chấp tại vị trí A là không có cơ sở chấp nhận. Đối với kháng cáo của nguyên đơn đối với phần tranh chấp tại vị trí B, nhận thấy: Bị đơn cho rằng phần tranh chấp tại vị trí B là bị đơn chuyển nhượng từ ông Tiết Văn B năm 2014, giá chuyển nhượng 3.000.000 đồng, do ông B mất năm 2015 nên ông không hợp thức hóa được phần đất trên, nhưng phần diện tích tranh chấp tại vị trí B vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được các chứng cứ chứng minh có việc chuyển nhượng từ ông B. Mặt khác, căn cứ vào bản trích đo địa chính số 955 ngày 31/8/2023 của Trung tâm K thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C thì giáp với thửa 2829 của nguyên đơn là các thửa đất của bị đơn là thửa 1611, 1614, 1822 và các thửa đất trên không có thửa nào có nguồn gốc là của ông Tiết Văn B đứng tên. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phần tranh chấp tại vị trí B. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất lấn chiếm nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40, trả lại cho nguyên đơn diện tích đất bị đơn lấn chiếm theo đo đạc thực tế là tại vị trí A diện tích 14m² và vị trí B diện tích 10,7m²; Hội

đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất: Vào năm 2014, nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua hình thức mua bán đấu giá tại Cơ quan Thi hành án, đến ngày 31/5/2014, nguyên đơn được Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH 05008 với số thửa 1372, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.095m² (CLN) tọa lạc tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Thứ hai: Năm 2016, nguyên đơn tiến hành thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất, nguyên đơn xin chuyển 100m² đất CLN tại thửa 1372 thành đất ODT, đến ngày 31/5/2016 nguyên đơn được Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS06898 với số thửa 2518, tờ bản đồ số 4, diện tích 100m² (ODT) đất tọa lạc tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Như vậy, thửa đất 1372 còn lại 1.995m² (CLN).

Thứ ba: Ngày 04/10/2018, nguyên đơn có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 2824 diện tích 68,8m² từ bà Bùi Thị T2, ông Trần Văn T và ông Bùi Thanh P, do thửa đất 2824 giáp ranh đất với thửa 2829 nên ông H làm thủ tục nhập thửa 2824 vào thửa 2829. Đến ngày 12/11/2018 nguyên đơn được Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS10590 với số thửa 2829, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.063,8m² (CLN) đất tọa lạc tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

[3] Từ những chứng cứ trên cho thấy nguyên đơn đang sử dụng đất đất tại khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ với tổng diện tích 2.163,8m², trong đó thửa 2829 có diện tích 2.063,8m² (CLN) và thửa 2518 có diện tích 100m² (ODT).

[4] Bị đơn đang sử dụng đất tại các thửa 1611 có diện tích 2.114m², thửa 1822 có diện tích 2.114,5m² và thửa 1614 có diện tích 989,2m². Về nguồn gốc đất của bị đơn sử dụng là do bị đơn nhận chuyển nhượng lại từ ông Nguyễn Xuân B1 và Nguyễn Thị T3 vào năm 2016 và năm 2017, có 03 thửa liền kề nhau, gồm: Thửa 1611, diện tích: 2.114m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07765 ngày 13/02/2017. Thửa đất này, bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân B1 vào năm 2017, giáp ranh với phần đất của nguyên đơn. Thửa 1614, diện tích: 989,2m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số H02292 ngày 20/8/2007, chỉnh lý cho bị đơn đứng tên ngày 18/01/2017. Phần đất này bị đơn nhận chuyển nhượng của ông **Trần Xuân B2**, giáp ranh với phần đất của nguyên đơn. Thửa 1822, diện tích: 2.114,5m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03312 ngày 28/8/2008, nhận chuyển nhượng của bà **Nguyễn Thị T3**, chỉnh lý sang tên cho bị đơn vào ngày 02/02/2016.

[5] Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của của các bên đương sự cho thấy hai cạnh ranh đất của nguyên đơn giáp với phần đất của bị đơn là đường thẳng. Tuy nhiên, vào ngày 04/10/2018 ông **H** có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 2824 có diện tích chiều ngang 1m, chiều dài một cạnh là 69,7m và chiều dài cạnh còn lại là 69,78m với tổng diện tích 68,8m² từ bà **Bùi Thị T2**, ông **Trần Văn T** và ông **Bùi Thanh P**. Thửa đất 2824 giáp ranh đất với thửa 2829 nên nguyên đơn đã làm thủ tục nhập thửa 2824 vào thửa 2829, vì vậy diện tích chiều ngang của đất của nguyên đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 12/11/2018 là 19,15m. Đối chiếu với Bản trích đo địa chính số 802 ngày 04/8/2023 và số 955/TTKTTNMT ngày 31/8/2023 của **Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố K** thì diện tích đo đạc thực tế thửa 2829 nguyên đơn đang sử dụng với diện tích chiều ngang hiện nay là 18,93m², trong khi đó phần đất tranh chấp tại vị trí A có diện tích ngang 0,2m dài 13,68m = 14m². Như vậy, thửa đất của nguyên đơn có kích thước chiều ngang bị thiếu so với quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Chính vì vậy, cần buộc bị đơn trả lại phần đất tranh chấp tại vị trí A với diện tích 14m² theo Bảng trích đo địa chính cho ông **H** là phù hợp.

[4] Đối với phần diện tích đất tranh chấp tại vị trí B, theo nguyên đơn cho rằng: năm 2014, nguyên đơn đã mua của ông **Tiết Văn B**, giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản, đã trả tiền cho cá nhân ông **Tiết Văn B**; đến năm 2015 thì ông **Tiết Văn B** chết và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận diện tích tranh chấp tại vị trí B mà nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng chưa được cập nhật và diện tích này nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Bên cạnh đó, căn cứ Bản trích đo địa chính thì thửa 2829 của nguyên đơn giáp ranh với thửa đất 1611, 1614, 1822 của bị đơn, tại vị trí B đang tranh chấp là đường thẳng, đối chiếu với hình thể và vị trí nguyên đơn tranh chấp thì phần đất tranh chấp này không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn nên kháng cáo của nguyên đơn

không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông **Nguyễn Phước H.**

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40 trả lại cho ông **Nguyễn Phước H** quyền sử dụng đất với diện tích 14m² tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 802 ngày 04/8/2023 và số 955/TTKTTNMT ngày 31/8/2023 của **Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố K.**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích 10,7m² tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 802 ngày 04/8/2023 và số 955/TTKTTNMT ngày 31/8/2023 của **Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố K.**

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định: 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm ngàn đồng), nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2. Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông **Nguyễn Phước H** phải chịu án phí 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008801 ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thành án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông **Nguyễn Phước H** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0003475 ngày 04/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- **TAND Q. Cái Răng;**
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q.Cái Răng;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Tuyết Mai